



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-30

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Duy Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Mãi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Huy Tiến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Quốc Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Ngô Duy Đông	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Mạnh Hùng	Trưởng ban	
Bà Đặng Quốc Dũng	Thành viên	
Ông Đào Tú Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nghi Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 270323.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.102.071.682	99.156.419.923
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.408.077.406	23.485.924.291
111	1. Tiền		38.408.077.406	23.485.924.291
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.956.394.155	33.547.053.243
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	39.074.091.868	36.947.149.196
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.374.785.795	3.029.631.101
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	213.240.892	398.104.946
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.705.724.400)	(6.827.832.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	47.737.600.121	42.044.072.469
141	1. Hàng tồn kho		47.737.600.121	42.044.072.469
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	79.369.920
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	79.369.920
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.091.663.255	38.722.184.896
220	II. Tài sản cố định		31.022.150.195	29.303.368.636
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.022.150.195	29.303.368.636
222	- Nguyên giá		134.099.620.211	128.683.238.677
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(103.077.470.016)	(99.379.870.041)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	6.049.072.315	6.049.072.315
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.049.072.315	6.049.072.315
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.020.440.745	3.369.743.945
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.020.440.745	3.369.743.945
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		160.193.734.937	137.878.604.819

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		57.959.386.043	42.540.324.312
310	I. Nợ ngắn hạn		57.959.386.043	42.540.324.312
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.811.583.378	3.840.508.083
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.818.365.243	1.008.764.381
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.082.326.189	1.340.539.114
314	4. Phải trả người lao động		6.108.577.426	4.561.193.598
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	332.710.500	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.767.615.094	13.217.008.159
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	20.649.454.420	18.347.148.184
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		388.753.793	225.162.793
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		102.234.348.894	95.338.280.507
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	102.234.348.894	95.338.280.507
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.247.160.000	55.247.160.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		55.247.160.000	55.247.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.524.716.000	5.524.716.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.778.582.894	33.882.514.507
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		22.483.082.507	22.106.819.983
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		18.295.500.387	11.775.694.524
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		160.193.734.937	137.878.604.819



Ngô Thị Hương
Người lập



Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
			VND	VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	304.371.867.036	277.392.742.980		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	4.018.565.347	3.915.795.850		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		300.353.301.689	273.476.947.130		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	252.520.220.212	237.859.018.730		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.833.081.477	35.617.928.400		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	20.244.279	15.149.284		
22	7. Chi phí tài chính	25	1.389.271.267	1.133.075.352		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.389.271.267	1.133.075.352		
25	8. Chi phí bán hàng	26	9.552.999.122	9.138.538.732		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.619.296.429	10.298.239.648		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.291.758.938	15.063.223.952		
31	11. Thu nhập khác	28	628.756.545	234.286.828		
32	12. Chi phí khác		40.912.000	462.314.100		
40	13. Lợi nhuận khác		587.844.545	(228.027.272)		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.879.603.483	14.835.196.680		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.584.103.096	3.059.502.156		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.295.500.387	11.775.694.524		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	3.312	2.131		

lhu

H



Ngô Thị Hương
Người lập

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		331.488.318.965	299.686.585.515
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(258.829.347.761)	(246.079.899.358)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.578.935.318)	(24.626.754.550)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.389.271.267)	(994.141.885)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.727.979.730)	(3.723.535.875)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		670.853.294	56.316.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.315.162.960)	(13.732.169.188)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.318.475.223	10.586.400.659
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.261.076.018)	(6.670.842.995)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		559.554.545	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.244.279	15.149.284
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.681.277.194)	(6.655.693.711)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		55.687.783.321	50.152.630.792
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(53.385.477.085)	(39.649.972.143)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.017.351.150)	(10.479.366.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.715.044.914)	23.292.449
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.922.153.115	3.953.999.397
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.485.924.291	19.531.924.894
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	38.408.077.406	23.485.924.291



Ngô Thị Hương
Người lập



Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.247.160.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 55.247.160.000 đồng; tương đương 5.524.716 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 167 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 177 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Cuối năm 2022, biến động của thị trường khiến giá thép tăng cao, đây là nguyên vật liệu chính để sản xuất lõi que hàn và dây hàn của Công ty do đó giá thành sản xuất tăng mạnh. Trong khi đó giá bán cũng tăng mạnh do giá thành tăng và nhu cầu thị trường với các sản phẩm que hàn dây hàn tăng. Tốc độ tăng của giá bán nhanh hơn tốc độ tăng của giá vốn do đó lợi nhuận gộp của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là "Nhà máy sản xuất dây hàn" tại Hải Dương, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại dây hàn.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đường cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Bảng sáng chế	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.
- Chi phí chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.695.882.893	1.002.501.237
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.712.194.513	22.483.423.054
	<u><u>38.408.077.406</u></u>	<u><u>23.485.924.291</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.450.366.708	(3.406.673.850)	3.356.513.850	(3.406.673.850)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	(1.092.299.223)	1.092.299.223	(1.092.299.223)
- Công ty TNHH Hà Bảo	1.315.228.343	-	3.866.266.443	-
- Công ty TNHH MTV Phương Mai	1.044.626.800	-	1.016.185.558	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tổng hợp Phương Đông	9.101.291.292	-	5.977.875.390	-
- Nguyễn Thị Hoa - Nam Định	-	-	1.925.510.379	-
- Phải thu khách hàng khác	23.093.751.502	(2.206.751.327)	19.712.498.353	(2.328.858.927)
	39.097.563.868	(6.705.724.400)	36.947.149.196	(6.827.832.000)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Mighty Metal Materials Co.,Ltd	-	-	1.866.003.085	-
- Công ty Itamec - Italy	-	-	115.878.070	-
- Vassena Filiere S.r.l	499.733.585	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	875.052.210	-	1.047.749.946	-
	1.374.785.795	-	3.029.631.101	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	29.153.606	-	223.062.840	-
Tạm ứng	184.087.286	-	64.607.113	-
Phải thu khác	-	-	110.434.993	-
	<u>213.240.892</u>	<u>-</u>	<u>398.104.946</u>	<u>-</u>

7 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.673.850	-	3.406.673.850	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	-	1.092.299.223	-
- Các khoản khác	2.493.994.341	287.243.014	2.620.880.026	292.021.099
	<u>6.992.967.414</u>	<u>287.243.014</u>	<u>7.119.853.099</u>	<u>292.021.099</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.977.793.938	-	31.730.951.578	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	446.718.991	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.874.061.960	-	1.917.550.507	-
Thành phẩm	8.173.030.634	-	6.817.369.505	-
Hàng hoá	712.713.589	-	1.131.481.888	-
	<u>47.737.600.121</u>	<u>-</u>	<u>42.044.072.469</u>	<u>-</u>

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Máy thả thùng model PPM80	2.217.993.182	2.217.993.182
- Máy kéo ước model TB4M	3.831.079.133	3.831.079.133
	<u>6.049.072.315</u>	<u>6.049.072.315</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Báo cáo tài chính

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	36.712.421.596	80.104.239.599	11.748.476.573	118.100.909	128.683.238.677					
- Mua trong năm	-	3.038.388.321	-	184.590.000	3.222.978.321					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.038.097.697	-	-	-	4.038.097.697					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.844.694.484)	-	(1.844.694.484)					
Số dư cuối năm	40.750.519.293	83.142.627.920	9.903.782.089	302.690.909	134.099.620.211					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	23.974.903.250	65.481.460.168	9.836.526.714	86.979.909	99.379.870.041					
- Khấu hao trong năm	1.592.826.578	3.499.649.081	427.251.300	22.567.500	5.542.294.459					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.844.694.484)	-	(1.844.694.484)					
Số dư cuối năm	25.567.729.828	68.981.109.249	8.419.083.530	109.547.409	103.077.470.016					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	12.737.518.346	14.622.779.431	1.911.949.859	31.121.000	29.303.368.636					
Tại ngày cuối năm	15.182.789.465	14.161.518.671	1.484.698.559	193.143.500	31.022.150.195					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.750.647.883 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 61.762.613.471 đồng.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bằng sáng chế với nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 267.135.000 đồng và đã hết khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp (*)	2.940.440.745	3.120.440.745
Chi phí chuyển giao công nghệ	80.000.000	249.303.200
	3.020.440.745	3.369.743.945

(*) Khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại tỉnh Hải Dương được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
- Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	5.245.865.603	5.245.865.603	-	-
- Công ty TNHH Bao bì Phú Minh	584.108.271	584.108.271	564.257.931	564.257.931
- Công ty TNHH Nhựa Phoenix	701.328.250	701.328.250	52.615.000	52.615.000
- Công ty TNHH Đức Minh	607.519.520	607.519.520	521.593.950	521.593.950
- Công ty Cổ phần Hợp kim Tây An	1.420.140.000	1.420.140.000	280.000.000	280.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	3.252.621.734	3.252.621.734	2.422.041.202	2.422.041.202
	11.811.583.378	11.811.583.378	3.840.508.083	3.840.508.083

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Almohanad General Trading Lical	519.863.994	-
Công ty TNHH Hoàng Minh Anh	-	400.000.000
Cửa hàng Kinh doanh Vật tư tổng hợp Nam Định	-	247.590.112
Romysen.S.A	-	155.656.754
Người mua trả tiền trước khác	4.321.973.249	205.517.515
	4.841.837.243	1.008.764.381

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÂN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hân, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	232.451.453	7.140.527.431	7.203.233.342	-	-	-	-	169.745.542	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	176.215.372	176.215.372	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.014.197.266	4.584.103.096	3.727.979.730	-	-	-	-	1.870.320.632	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	93.890.395	854.483.769	906.114.149	-	-	-	-	42.260.015	-
Thuế Tài nguyên	-	-	5.908.400	5.908.400	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	79.369.920	-	968.699.814	889.329.894	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-	-	-	-	-
	79.369.920	1.340.539.114	13.734.437.882	12.913.280.887	-	-	-	-	2.082.326.189	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
- Giảm giá hàng bán cho Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	VND	VND
	332.710.500	-
	332.710.500	-

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
- Kinh phí công đoàn	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	310.012.078	210.022.099
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	141.994.550
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	31.581.500
- Phải trả ông Ngô Bá Việt	11.141.969.805	11.109.888.955
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	778.673.000
	315.633.211	944.848.055
	11.767.615.094	13.217.008.159
	-	778.673.000

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Phải trả ông Ngô Bá Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND 18.347.148.184	VND 18.347.148.184	VND 55.687.783.321	VND 53.385.477.085	VND 20.649.454.420	VND 20.649.454.420
	18.347.148.184	18.347.148.184	55.687.783.321	53.385.477.085	20.649.454.420	20.649.454.420

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2022:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HDCVHM/NHCT320 - VIWELCO ngày 05/04/2022 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 05/04/2022 đến ngày 04/04/2023;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 20.649.454.420 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Dường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	34.283.246.983	95.739.012.983
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.775.694.524	11.775.694.524
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(12.176.427.000)	(12.176.427.000)
Số dư cuối năm trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	33.882.514.507	95.338.280.507
Số dư đầu kỳ này	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	33.882.514.507	95.338.280.507
Lãi trong năm này	-	-	-	18.295.500.387	18.295.500.387
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(11.399.432.000)	(11.399.432.000)
Số dư cuối năm này	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	40.778.582.894	102.234.348.894

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHCD ngày 25/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	100,00%	11.775.694.524
Phân phối lợi nhuận:		
- Chia cổ tức bằng tiền (Đã tạm ứng)	96,80%	11.399.432.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	93,83%	11.049.432.000
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	2,97%	350.000.000
	3,20%	376.262.524

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.247.160.000	55.247.160.000
- Vốn góp đầu năm	55.247.160.000	55.247.160.000
- Vốn góp cuối năm	<u>55.247.160.000</u>	<u>55.247.160.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.109.888.955	11.091.808.555
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.049.432.000	11.049.432.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.049.432.000	11.049.432.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(11.017.351.150)	(11.031.351.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(11.017.351.150)	(11.031.351.600)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>11.141.969.805</u>	<u>11.109.888.955</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.524.716	5.524.716
- Cổ phiếu phổ thông	5.524.716	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.524.716	5.524.716
- Cổ phiếu phổ thông	5.524.716	5.524.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.524.716.000	5.524.716.000
	<u>5.524.716.000</u>	<u>5.524.716.000</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A đoạn từ giáp huyện Thanh Trì đến giáp thị trấn Thường Tín để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất, thời hạn 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 22.066,3 m² và 982,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, thời hạn 25 năm. Diện tích khu đất thuê là 21.700 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	71.223,21	1.591,72
- Đồng Euro (EUR)	203.117,56	20.524,49

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	1.343.019.727	1.343.019.727
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Du lịch Duy Anh	660.996.234	660.996.234
- Russia Limited Liability Company (LLC)	293.499.649	293.499.649
- Các khoản khác	1.917.516.587	1.917.516.587
	<u><u>4.215.032.197</u></u>	<u><u>4.215.032.197</u></u>
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	290.337.487.781	267.257.064.586
Doanh thu bán hàng hoá	13.999.326.155	9.432.072.680
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.053.100	703.605.714
	<u><u>304.371.867.036</u></u>	<u><u>277.392.742.980</u></u>
22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	250.503.550	2.417.781.450
Hàng bán bị trả lại	1.129.808.860	1.272.655.400
Giảm giá hàng bán	2.638.252.937	225.359.000
	<u><u>4.018.565.347</u></u>	<u><u>3.915.795.850</u></u>
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	240.369.472.829	229.437.764.812
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.150.747.383	8.421.253.918
	<u><u>252.520.220.212</u></u>	<u><u>237.859.018.730</u></u>
24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.244.279	15.149.284
	<u><u>20.244.279</u></u>	<u><u>15.149.284</u></u>
25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.389.271.267	1.133.075.352
	<u><u>1.389.271.267</u></u>	<u><u>1.133.075.352</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.068.925	92.483.784
Chi phí nhân công	4.209.354.565	4.024.079.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.249.500	226.155.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.040.703.102	3.352.188.523
Chi phí khác bằng tiền	1.010.623.030	1.443.631.722
	9.552.999.122	9.138.538.732

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.832.584	47.926.085
Chi phí nhân công	8.261.398.777	6.871.885.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.816.979	118.100.894
Thuế, phí, lệ phí	862.396.816	1.611.571.095
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(122.107.600)	59.261.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.676.511.009	-
Chi phí khác bằng tiền	2.727.447.864	1.589.494.387
	14.619.296.429	10.298.239.648

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	559.554.545	-
Thu nhập khác	69.202.000	234.286.828
	628.756.545	234.286.828

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.879.603.483	14.835.196.680
Các khoản điều chỉnh tăng	40.912.000	462.314.100
- Chi phí không hợp lệ	40.912.000	462.314.100
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.920.515.483	15.297.510.780
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	4.584.103.096	3.059.502.156
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.014.197.266	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.727.979.730)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.870.320.632	3.059.502.156

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.295.500.387	11.775.694.524
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.295.500.387	11.775.694.524
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.524.716	5.524.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.312</u>	<u>2.131</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.566.816.902	199.318.807.591
Chi phí nhân công	28.872.946.677	26.490.643.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.542.294.459	7.406.674.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.067.166.839	6.998.107.913
Chi phí khác bằng tiền	13.804.716.085	12.159.985.021
	<u>265.853.940.962</u>	<u>252.374.218.389</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	38.408.077.406	-	-	38.408.077.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.581.608.360	-	-	32.581.608.360
	<u>70.989.685.766</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>70.989.685.766</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	23.485.924.291	-	-	23.485.924.291
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.517.422.142	-	-	30.517.422.142
	<u>54.003.346.433</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>54.003.346.433</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	20.649.454.420	-	-	20.649.454.420
Phải trả người bán, phải trả khác	23.579.198.472	-	-	23.579.198.472
Chi phí phải trả	332.710.500	-	-	332.710.500
	<u>44.561.363.392</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.561.363.392</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	18.347.148.184	-	-	18.347.148.184
Phải trả người bán, phải trả khác	17.057.516.242	-	-	17.057.516.242
	<u>35.404.664.426</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.404.664.426</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Nhị Khê,
Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT Miễn nhiệm ngày 22/04/2022	235.607.000	537.613.600
Ông Ngô Duy Đông	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 22/04/2022 (Trước đó là Phó Giám đốc)	497.838.000	424.667.100
Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc Ủy viên HĐQT	532.505.000	489.497.900
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Giám đốc Ủy viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 22/04/2022	347.928.000	-
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 22/04/2022	303.063.000	-
Ông Nguyễn Hữu Mai	Ủy viên HĐQT	14.400.000	14.400.000
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	446.870.000	415.987.100

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Ngô Thị Hương
Người lập

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023